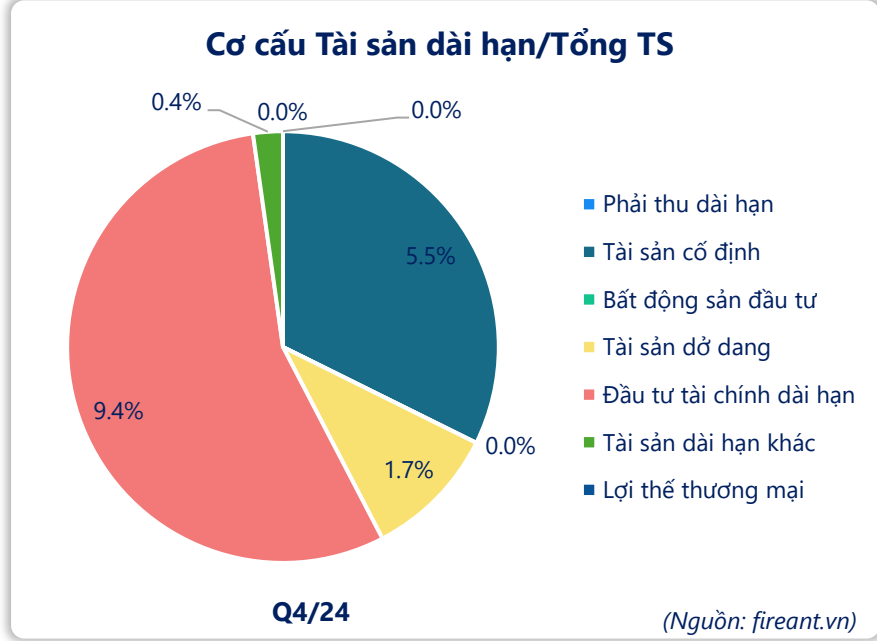
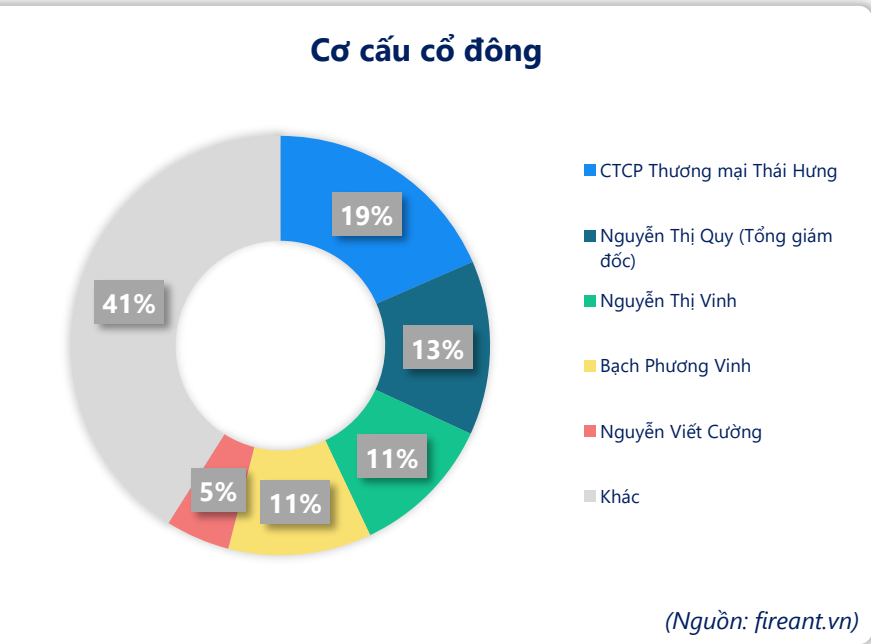
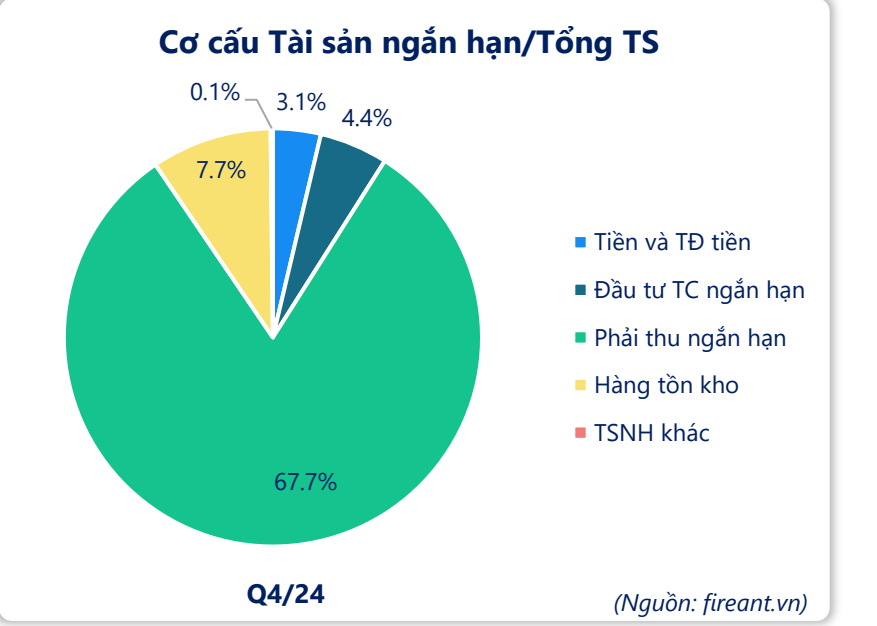
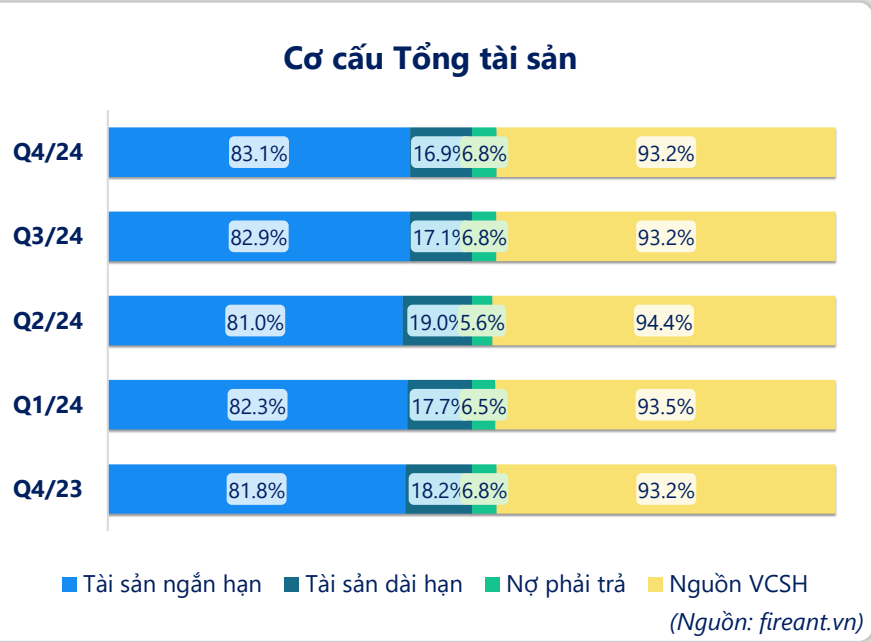
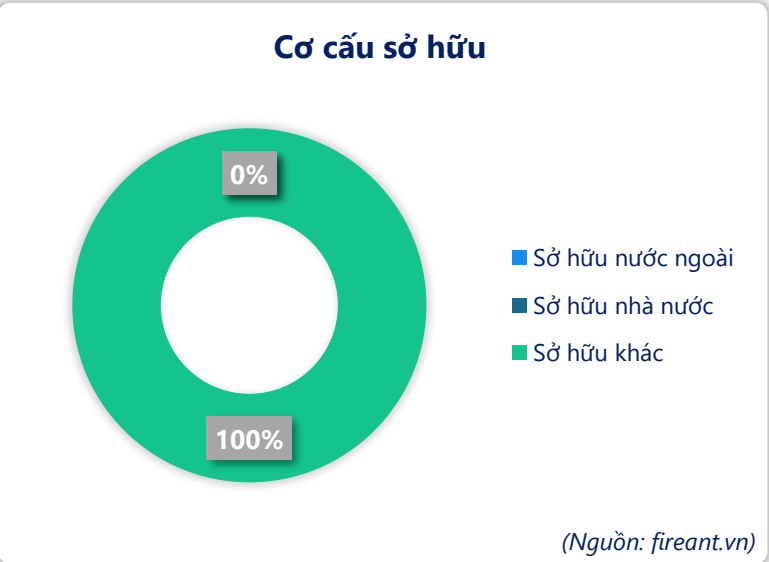
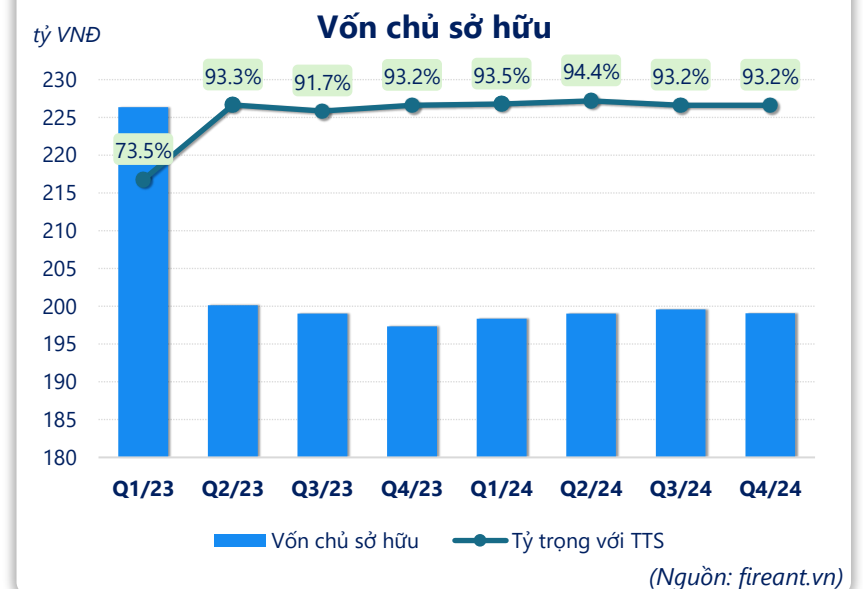
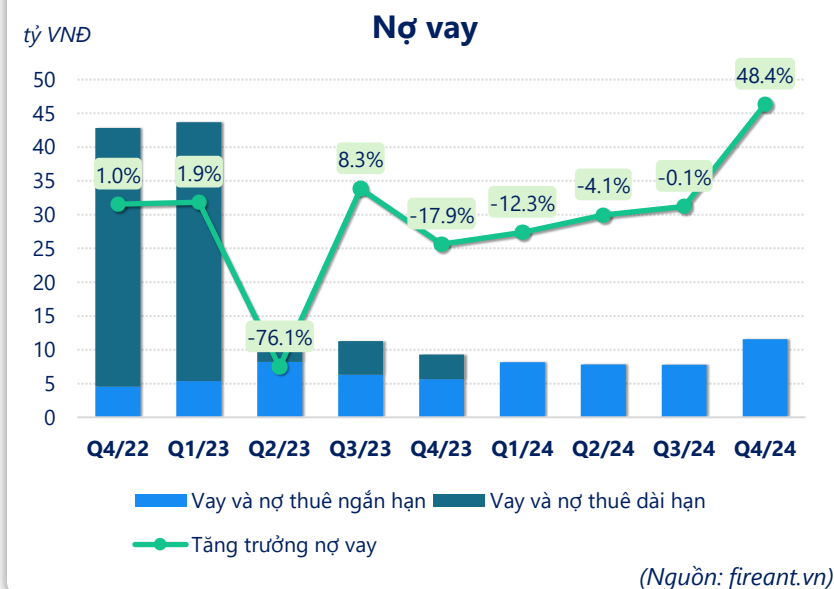
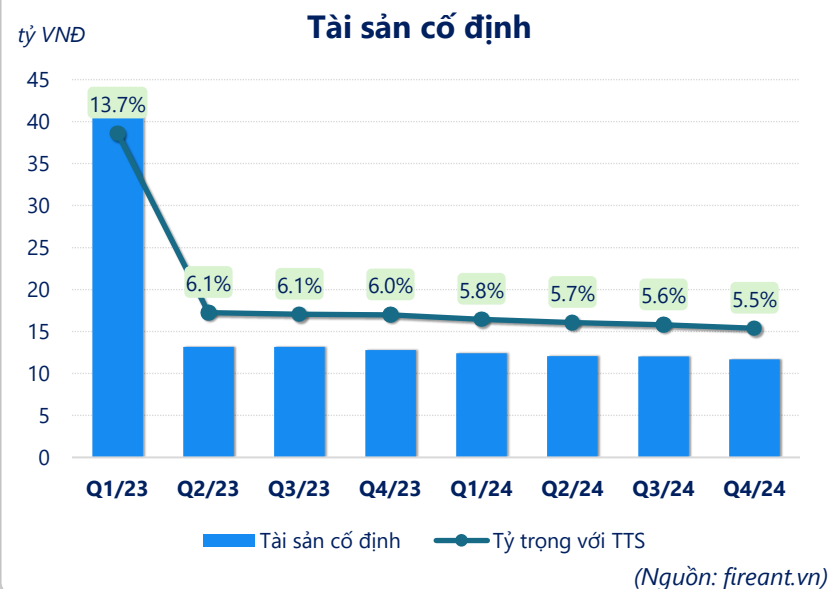
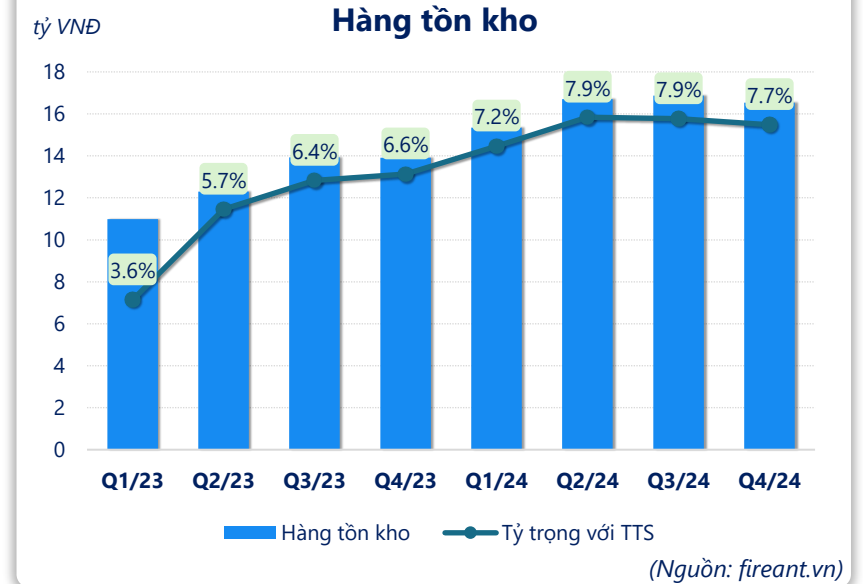
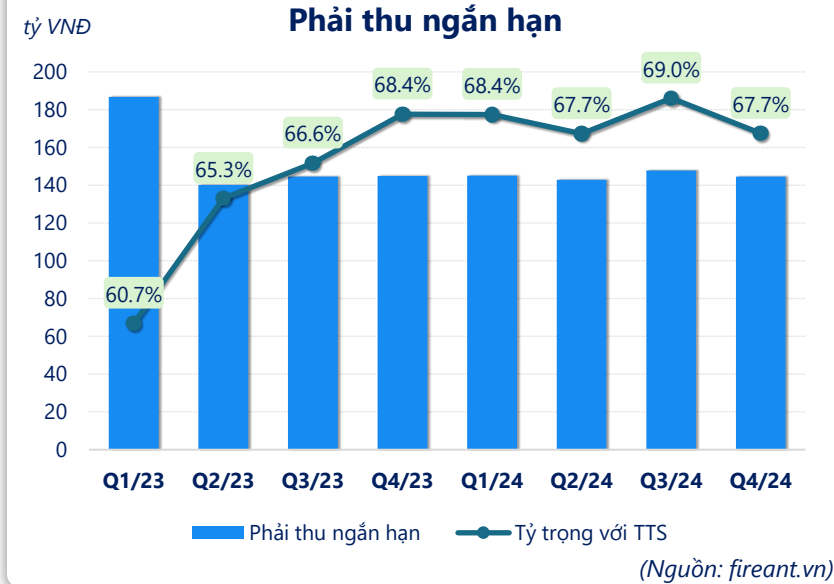
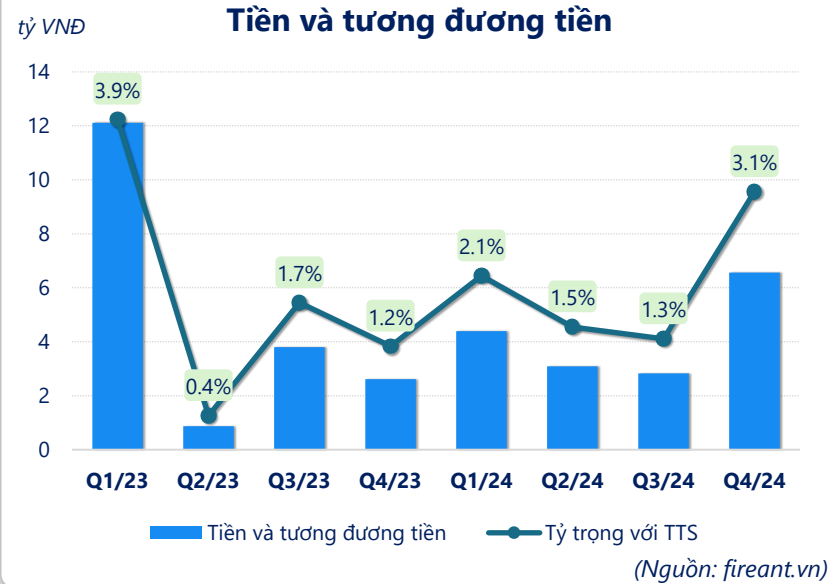
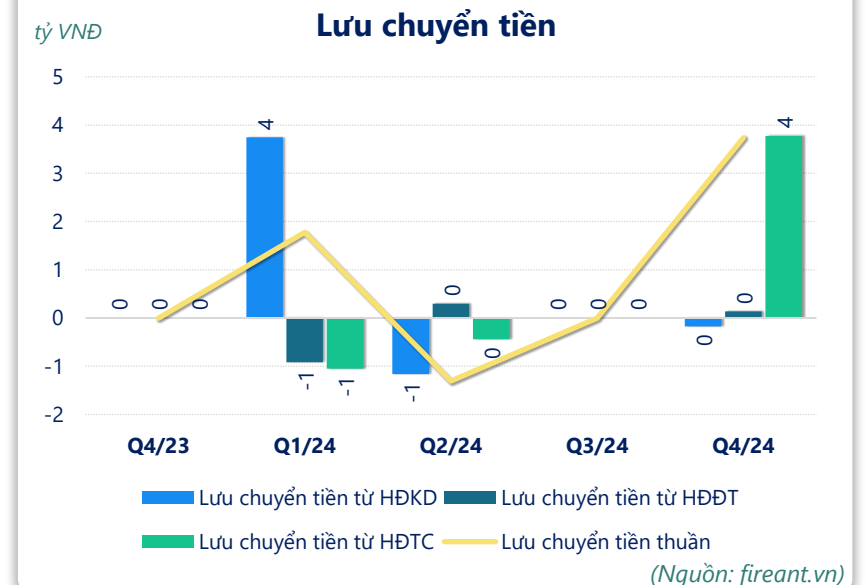
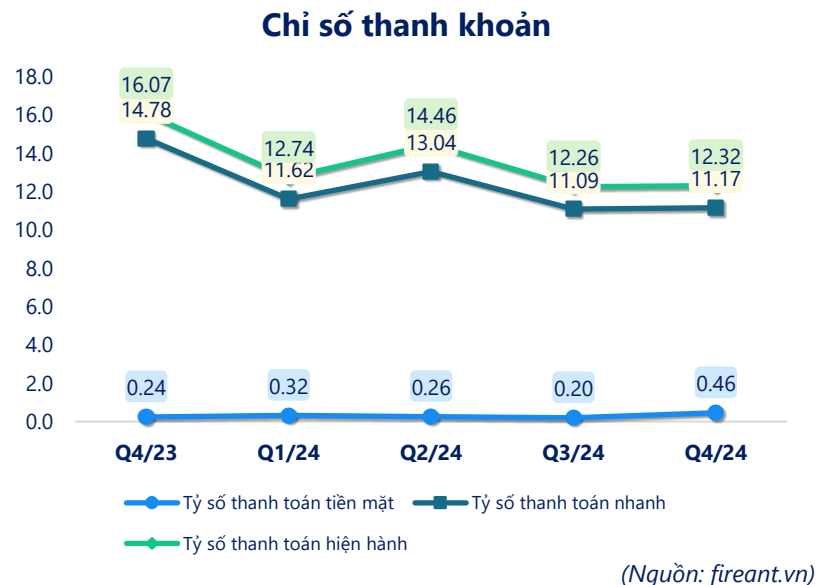
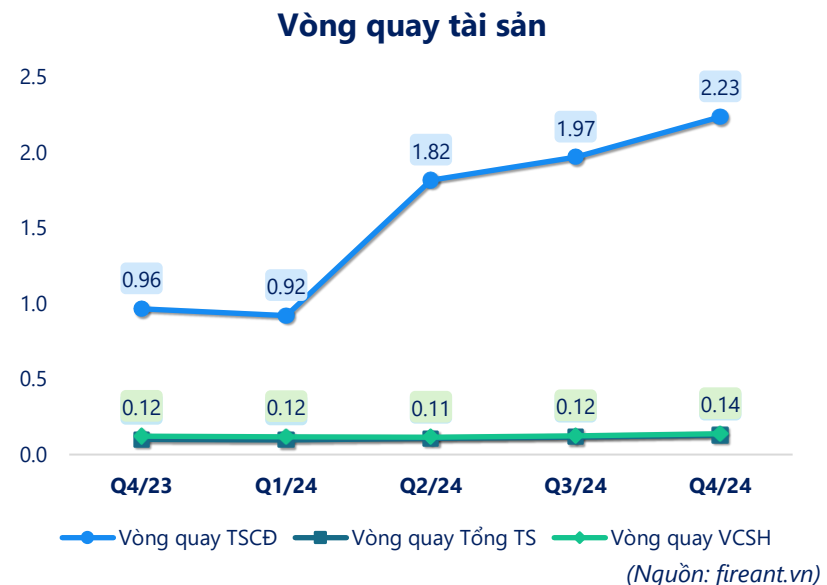
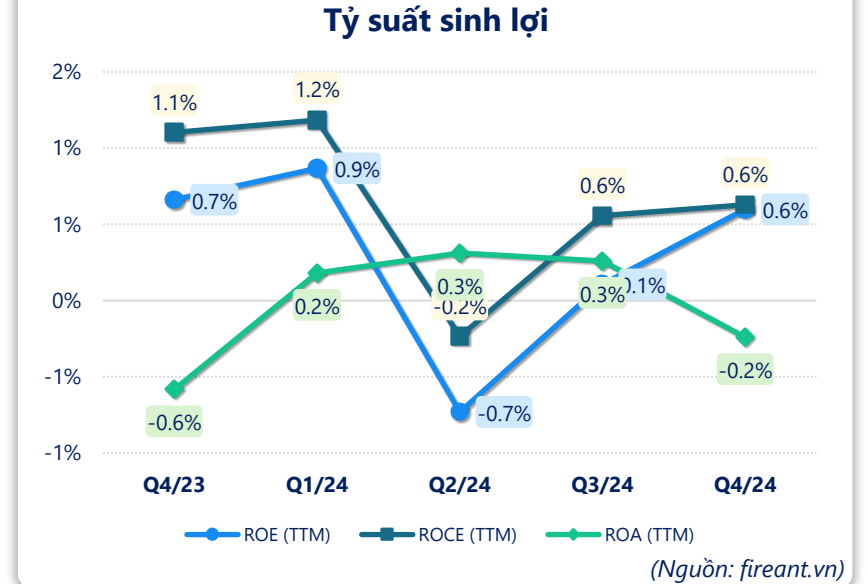
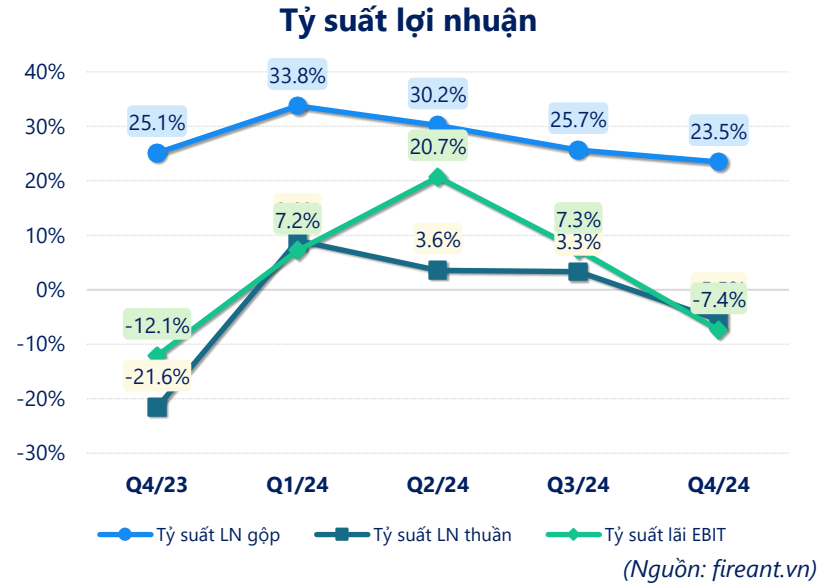
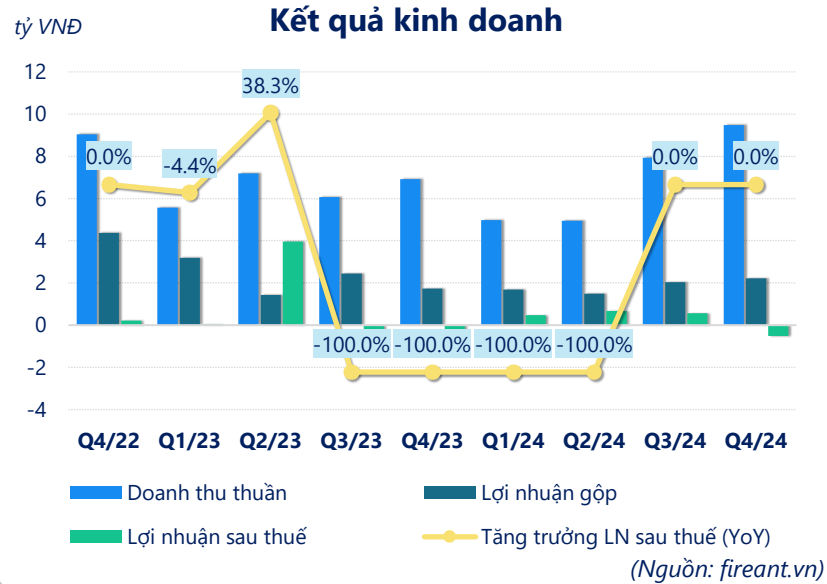


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,200
SL cổ phiếu LH		19,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,970
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		123
P/E		103.5
EPS		61

	YTD	1T	3T	6T
STH		-1.6%	6.8%	-28.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	214	212	0.9%
Tài sản ngắn hạn	177	173	2.3%
Tiền và tương đương tiền	6.56	2.62	151%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.39	11.6	-19.4%
Phải thu ngắn hạn	145	145	-0.2%
Hàng tồn kho	16.5	13.9	18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.34	-5.7%
Tài sản dài hạn	36.1	38.3	-5.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.7	12.8	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.63	3.63	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.80	1.89	-57.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.5	13.8	5.0%
Nợ ngắn hạn	14.4	13.7	4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.6	9.29	24.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.44	1.94	-25.8%
Nợ dài hạn	0.09	0.07	30.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	199	198	0.6%
Vốn chủ sở hữu	199	198	0.6%
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	6.91	4.98	4.94	7.93	9.48
Giá vốn hàng bán	5.18	3.30	3.45	5.90	7.25
Lợi nhuận gộp	1.74	1.68	1.49	2.04	2.23
Doanh thu HĐTC	0.11	0.95	1.38	0.07	0.13
Chi phí TC	0.65	-0.11	0.16	-0.51	0.54
Chi phí lãi vay	0.65	-0.11	0.36	0.02	-0.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.26	1.02	1.02	1.32	1.24
Chi phí QLDN	1.43	1.27	1.52	1.03	1.10
LN thuần từ HĐKD	-1.49	0.45	0.18	0.26	-0.52
Lợi nhuận khác	0.01	0.02	0.49	0.30	0.01
LN trước thuế	-1.49	0.47	0.66	0.56	-0.51
Lợi nhuận sau thuế	-1.49	0.47	0.66	0.56	-0.51
LNST của CĐ cty mẹ	-1.49	0.47	0.66	0.56	-0.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	3.74	-1.16	0	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.92	0.30	0	0.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.05	-0.44	0	3.77
Tiền đầu kỳ	0	2.62	4.39	0	2.83
Lưu chuyển tiền thuần	0	1.77	-1.31	0	3.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	4.39	3.08	0	6.56

(Nguồn: fireant.vn)